

Bản án số: 05/2024/HS-ST
Ngày: 28-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN, TỈNH CAO BẰNG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Khánh Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Út và bà Nông Thị Cẩm Loan.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lý Hoàng Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/HSST-QĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Phan Thị L;** tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 09/4/1986 tại huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: Tổ 7, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn D1 và bà Đinh Thị L; Chồng: Phạm Trung T (đã ly hôn) và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không.

2. **Trần Văn D;** tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 14/5/1988 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi cư trú: Tổ 4, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Điều dưỡng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T1 và bà Triệu Thị H; có vợ Lâm Kiều O và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Các bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 13/11/2023 đến nay. Đều có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Đinh Thị L2; sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Xóm 1, xã V, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Anh Hoàng Đức T; sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Xóm 2, B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Chị Phan Thị Diệu H1; sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Tổ 6, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

4. Chị Hoàng Thị Như Q; sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Phố H, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt, không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2023, bị cáo Phan Thị L quen biết với bị cáo Trần Văn D và nảy sinh quan hệ tình cảm yêu đương. Đến tháng 6/2023, hai bị cáo rủ nhau góp vốn cho người khác vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính (trong đó: bị cáo L góp 60.000.000 đồng, bị cáo D góp 10.000.000 đồng). Tiền vốn và tiền lãi do bị cáo L giữ, tiền lãi thu được một phần hai bị cáo sử dụng để chi tiêu chung, một phần tiếp tục cho vay. Khi có khách vay tiền, bị cáo D báo cho bị cáo L biết để L gửi tiền gốc cho D, đa số các lần cho vay bị cáo D trực tiếp giao dịch với khách, yêu cầu người vay viết giấy làm căn cứ và đứng ra thu tiền gốc, tiền lãi. Việc giao nhận tiền với khách, giữa bị cáo D với bị cáo L bằng hình thức tiền mặt hoặc thông qua tài khoản ngân hàng số 33010000142509 mang tên D, số 33010000351138 mang tên L mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ và số 8314205420264 mang tên D, số 8308205022913 mang tên L mở tại Ngân hàng N.

Từ tháng 6/2023 đến tháng 10/2023, hai bị cáo đã cho nhiều người vay tiền tất cả 22 (Hai mươi hai) lần với tổng số tiền cho vay 261.000.000 đồng, lãi suất từ 182,5% đến 912,5%/năm, vượt mức lãi suất cho phép theo quy định tại Điều 468

của Bộ luật Dân sự năm 2015 từ 9,1 lần đến 45,6 lần. Tổng số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự là 79.638.082 đồng. Cụ thể từng lần như sau:

Chị Đinh Thị L2 (Sinh ngày 21/5/1986, trú tại: Xóm 1, V, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) vay 01 lần: Ngày 24/6/2023, bị cáo D cho chị L2 vay 45.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, thời hạn vay 116 ngày, với lãi suất 225.000 đồng/01 ngày, gấp 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 23.239.726 đồng. Khoản vay này chị L2 đã trả tiền lãi 24.795.000 đồng, còn nợ tiền gốc 45.000.000 đồng.

Anh Hoàng Đức T2 (Sinh ngày 20/10/1990, trú tại: Xóm 2 B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng) vay 10 lần:

- Ngày 25/8/2023, D cho anh T2 vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, với lãi suất 75.000 đồng/01 ngày, gấp 13,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 2.780.822 đồng. D cắt lãi trước 3.000.000 đồng và chuyển khoản cho anh T2 7.000.000 đồng. Khoản vay này anh T2 đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng.

- Ngày 27/8/2023, D cho anh T2 vay 5.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, với lãi suất 37.500 đồng/01 ngày, gấp 13,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 1.390.411 đồng. D cắt lãi trước 1.500.000 đồng và chuyển khoản cho anh T2 3.500.000 đồng. Khoản vay này anh T2 đã trả tiền gốc 5.000.000 đồng.

- Ngày 31/8/2023, D cho anh T2 vay 5.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, với lãi suất 37.500 đồng/01 ngày, gấp 13,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 1.390.411 đồng. D cắt lãi trước 1.500.000 đồng và chuyển khoản cho anh T2 3.500.000 đồng. Khoản vay này anh T2 đã trả tiền gốc 5.000.000 đồng.

- Ngày 02/9/2023, D cho anh T2 vay 5.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, thời hạn vay 10 ngày, với lãi suất 100.000 đồng/01 ngày, gấp 36,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 972.603 đồng. Khoản vay này anh T2 đã trả tiền lãi 1.000.000 đồng và tiền gốc 5.000.000 đồng.

- Ngày 13/9/2023, D cho anh T2 vay 5.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, thời hạn vay 10 ngày, với lãi suất 100.000 đồng/01 ngày, gấp 36,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 972.603

đồng. Khoản vay này anh T2 đã trả tiền lãi 1.000.000 đồng và tiền gốc 5.000.000 đồng.

- Ngày 15/9/2023, D cho anh T2 vay 20.000.000 đồng bằng hình thức tiền mặt, thời hạn vay 15 ngày, với lãi suất 300.000 đồng/01 ngày, gấp 27,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 4.335.616 đồng. Khoản vay này anh T2 đã trả tiền lãi 4.500.000 đồng và tiền gốc 20.000.000 đồng.

- Ngày 22/9/2023, D cho anh T2 vay 5.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, thời hạn vay 10 ngày, với lãi suất 100.000 đồng/01 ngày, gấp 36,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 972.603 đồng. Khoản vay này anh T2 đã trả tiền lãi 1.000.000 đồng và tiền gốc 5.000.000 đồng.

- Ngày 30/9/2023, D cho anh T2 vay 20.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, thời hạn vay 15 ngày, với lãi suất 300.000 đồng/01 ngày, gấp 27,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 4.335.616 đồng. Khoản vay này anh T2 chưa trả tiền lãi 4.500.000 đồng và còn nợ tiền gốc 20.000.000 đồng.

- Ngày 01/10/2023, D cho anh T2 vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, với lãi suất 150.000 đồng/01 ngày, gấp 13,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 5.561.644 đồng. D cắt lãi trước 6.000.000 đồng và hai bên thoả thuận khấu trừ cho khoản vay ngày 31/8/2023 còn nợ với số tiền 3.000.000 đồng nên D chuyển khoản cho anh T2 11.000.000 đồng. Khoản vay này anh T2 còn nợ tiền gốc 20.000.000 đồng.

- Ngày 02/10/2023, D cho anh T2 vay 10.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, thời hạn vay 17 ngày, với lãi suất 200.000 đồng/01 ngày, gấp 36,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 3.306.849 đồng. Tính đến ngày 18/10/2023 (thời điểm bị phát hiện và ngăn chặn), anh T2 đã trả tiền lãi 2.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc và lãi 11.400.000 đồng.

Chị Phan Thị Diệu H1 (Sinh ngày 28/4/1987, trú tại: Tổ 6, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) vay 03 lần:

- Ngày 11/9/2023, D cho chị H1 vay 7.000.000 đồng bằng hình thức tiền mặt, thời hạn vay 02 ngày, với lãi suất 100.000 đồng/01 ngày, gấp 26,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 192.329

đồng. Khoản vay này chị H1 đã trả tiền lãi 200.000 đồng và tiền gốc 7.000.000 đồng.

- Ngày 25/9/2023, D cho chị H1 vay 14.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, thời hạn vay 19 ngày, với lãi suất 105.263 đồng/01 ngày, gấp 13,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 1.854.247 đồng. Khoản vay này chị H1 đã trả tiền lãi 2.000.000 đồng và tiền gốc 14.000.000 đồng.

- Ngày 28/9/2023, D cho chị H1 vay 15.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, thời hạn vay 20 ngày, với lãi suất 200.000 đồng/01 ngày, gấp 24,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 3.835.616 đồng. Khoản vay này chị H1 đã trả tiền lãi 4.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc 15.000.000 đồng.

Chị Hoàng Thị Như Q (Sinh ngày 21/9/1988, trú tại: Phố H, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng) vay 08 lần:

- Ngày 10/8/2023, D cho chị Q vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, với lãi suất 75.000 đồng/01 ngày, gấp 13,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 2.780.822 đồng. D cắt lãi trước 3.000.000 đồng và chuyển khoản cho chị Q 7.000.000 đồng. Khoản vay này chị Q còn nợ tiền gốc 10.000.000 đồng.

- Ngày 16/8/2023, D cho chị Q vay 5.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, với lãi suất 37.500 đồng/01 ngày, gấp 13,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 1.390.411 đồng. D cắt lãi trước 1.500.000 đồng và đưa tiền mặt cho chị Q 3.500.000 đồng. Khoản vay này chị Q còn nợ tiền gốc 5.000.000 đồng.

- Ngày 24/8/2023, D cho chị Q vay 10.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, thời hạn vay 20 ngày, với lãi suất 250.000 đồng/01 ngày, gấp 45,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 4.890.411 đồng. Khoản vay này chị Q đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 5.000.000 đồng.

- Ngày 31/8/2023, D cho chị Q vay 10.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, thời hạn vay 10 ngày, với lãi suất 250.000 đồng/01 ngày, gấp 45,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 2.445.205

đồng. Khoản vay này chị Q đã trả tiền lãi 2.500.000 đồng và tiền gốc 10.000.000 đồng.

- Ngày 13/9/2023, D cho chị Q vay 15.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, với lãi suất 112.500 đồng/01 ngày, gấp 13,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 4.171.233 đồng. D cắt lãi trước 4.500.000 đồng và chuyển khoản cho chị Q 10.500.000 đồng. Khoản vay này chị Q còn nợ tiền gốc 15.000.000 đồng.

- Ngày 20/9/2023, D cho chị Q vay 10.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, thời hạn vay 20 ngày, với lãi suất 250.000 đồng/01 ngày, gấp 45,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 4.890.411 đồng. Hết kỳ hạn vay 20 ngày, chị Q đã trả tiền lãi 5.000.000 đồng. Từ ngày 11/10/2023 đến ngày 18/10/2023 (thời điểm bị phát hiện và ngăn chặn), D và chị Q thay đổi lãi suất cho vay còn 80.000 đồng/01 ngày, gấp 14,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 521.644 đồng. Khoản vay này chị Q chưa trả tiền lãi 560.000 đồng và còn nợ tiền gốc 10.000.000 đồng.

- Ngày 24/9/2023, D cho chị Q vay 10.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, thời hạn vay 10 ngày, với lãi suất 250.000 đồng/01 ngày, gấp 45,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 2.445.205 đồng. Khoản vay này chị Q đã trả tiền lãi 2.500.000 đồng và tiền gốc 10.000.000 đồng.

- Ngày 10/10/2023, L cho chị Q vay 5.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, thời hạn vay 14 ngày, với lãi suất 71.429 đồng/01 ngày, gấp 26,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 961.644 đồng. Ngày 18/10/2023, chị Q đã trả tiền lãi trước hạn số tiền 1.000.000 đồng cho D bằng hình thức tiền mặt, còn nợ tiền gốc 5.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 01/3/2023 L còn cho chị Đinh Thị L2 vay 40.000.000 đồng, thời hạn vay 115 ngày, với lãi suất 39.130 đồng/01 ngày, gấp 1,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Ngày 14/7/2023, D cho chị Mùi Thị Ngọc B (Sinh ngày 22/01/1986, trú tại: Phố C, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng) vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay 96 ngày, với lãi suất 60.000 đồng/01 ngày, gấp 3,7 lần mức lãi suất cao quy định trong Bộ luật Dân sự. Ngày 13/9/2023, D cho anh Nguyễn Việt A (Sinh năm 1987, trú tại: Tổ 7, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) vay số tiền 40.000.000 đồng nhưng không tính lãi suất, đến buổi tối cùng

ngày chị Phan Thị Ngọc L3 (Sinh năm 1983, trú tại: Tiểu khu B, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn) đã trả tiền thay cho anh Nguyễn Việt A.

Tại Bản cáo trạng số 04/CT-VKSHA, ngày 25 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Phan Thị L, Trần Văn D về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi vi phạm của mình, các bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là sai và xin chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

Lời khai tại Cơ quan điều tra và trong Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận những nội dung mà các bị cáo đã trình bày là chính xác. Đối với những vấn đề khác có liên quan, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phần kết luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phan Thị L, Trần Văn D phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L. Xử phạt bị cáo L từ 120.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng; Áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, s, v khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D. Xử phạt bị cáo từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng; Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng đối với các bị cáo; Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 38.356 đồng và trả 961.644 đồng cho chị Hoàng Thị Như Q (Trong số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo D nộp) nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án; Trả lại 1.450.000 đồng cho bị cáo L nhưng giữ lại để bảo đảm thi hành án; tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước 03 điện thoại di động của các bị cáo; trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị L2 01 Căn cước công dân và 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị Lan H2. Trả lại cho bị cáo L 01 thẻ ngân hàng mang tên bị cáo, 01 thẻ ngân hàng mang tên Đinh Thị Hồng S, 01 giấy mượn tiền của Mùi Thị Ngọc B. Trả cho bị cáo D 01 thẻ ngân hàng mang tên bị cáo và 01 quyển vở học sinh. Buộc các bị cáo phải liên đới trả lại số tiền đã thu quá mức lãi suất quy định Nhà nước cho những

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh cũng như mức hình phạt. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa An, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, các yếu tố cấu thành tội phạm:

Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội, lời khai của các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2023 đến tháng 10/2023, bị cáo Phan Thị L và bị cáo Trần Văn D đã cho Đinh Thị L2, Hoàng Đức T2, Phan Thị Diệu H1, Hoàng Thị Như Q vay 22 (Hai mươi hai) lần với tổng số tiền cho vay 261.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi một triệu đồng), lãi suất từ 182,5% đến 912,5%/năm, vượt mức lãi suất cho phép theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 từ 9,1 lần đến 45,6 lần, thu lợi bất chính số tiền 79.638.082 đồng (Bảy mươi chín triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng).

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An truy tố đối với các bị cáo Phan Thị L, Trần Văn D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Với những căn cứ trên, Hội đồng xét xử khẳng định các bị cáo Phan Thị L, Trần Văn D đã phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Không;

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải của bản thân; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo D còn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng tặng Bằng khen do có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phòng chống dịch bệnh Covid-19 nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sự hiểu biết pháp luật nhưng vì ham muốn cá nhân nên đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi cho vay lãi nặng của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý tài chính của Nhà nước và các ngân hàng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương. Tuy nhiên, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Các bị cáo có khả năng kinh tế và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy việc áp dụng hình phạt tiền vẫn đảm bảo mục đích cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4] Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của bị cáo nên cần được xem xét chấp nhận. Tuy nhiên trong vụ án này Hội đồng xét xử thấy rằng cần cá thể hoá hành vi, tính chất, mức độ, vai trò từng bị cáo trong vụ án để áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo, đảm bảo sự công bằng và nghiêm minh của pháp luật. Xét thấy, bị cáo L là người khởi xướng việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng mức hình phạt cao hơn so với bị cáo D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mỗi bị cáo đã chủ động nộp tạm ứng số tiền 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An. Số tiền này sẽ được khấu trừ vào mức tiền phạt đối với các bị cáo khi thi hành án.

[5] Đối với số tiền gốc cho vay của các bị cáo:

Căn cứ Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận cùng nhau góp vốn ban đầu là 70.000.000 đồng để cho vay và sử dụng tiền lãi, tiền gốc đã thu được tiếp tục xoay vòng cho vay. Ngoài ra, xác định được trước khi cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo L còn cho chị Đinh Thị L2 vay tiền gốc 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình thu chi, sử dụng tiền các bị cáo không ghi chép lại nên không xác định được từng lần, số tiền sử dụng để xoay vòng cho vay.

Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được xác định tổng số tiền bị cáo sử dụng để cho vay là 261.000.000 đồng, được trừ đi số tiền gốc những người vay chưa trả cho bị cáo là 155.000.000 đồng nên số tiền gốc người vay đã trả cho các bị cáo là 106.000.000 đồng (Gần bằng với số tiền gốc ban đầu theo các bị cáo khai nhận là 110.000.000 đồng). Như vậy, có đủ căn cứ để truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền gốc các bị cáo là 106.000.000 đồng và số tiền thu lời bất chính do hoạt động cho vay tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ Luật Dân sự các bị cáo đã thu là 5.419.178 đồng (Trong đó của chị Đinh Thị L2 là 2.860.274 đồng; chị Phan Thị Diệu H1 là 317.808 đồng; chị Hoàng Thị Như Q số tiền 1.024.658 đồng; anh Hoàng Đức T2 số tiền 1.216.438 đồng). Như vậy, số tiền phải truy thu đối với hai bị cáo (Gồm tổng số tiền gốc 106.000.000 đồng và số tiền lãi 5.419.178 đồng) là 111.419.178 đồng. Nên mỗi bị cáo bị truy thu số tiền là 55.709.589 đồng sung công quỹ Nhà nước.

[6] Đối với các khoản tiền vay của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

*** Đối với khoản vay của anh Hoàng Đức T2:**

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền gốc anh T2 chưa trả cho các bị cáo là 50.000.000 đồng;

- Số tiền lãi thực tế anh T2 đã trả được cho các bị cáo là 21.500.000 đồng.

Trong đó:

+ Truy thu sung công quỹ Nhà nước tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà các bị cáo đã thu của người vay là 1.216.438 đồng;

+ Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho anh Hoàng Đức T2 số tiền đã thu lợi bất chính là 21.500.000 đồng - 1.216.438 đồng = 20.283.562 đồng.

*** Đối với khoản vay của chị Hoàng Thị Như Q:**

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền gốc chị Q chưa trả cho các bị cáo là 45.000.000 đồng;

- Số tiền lãi thực tế chị Q đã trả được cho các bị cáo là: 25.000.000 đồng
Trong đó:

+ Truy thu sung công quỹ Nhà nước tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự các bị cáo đã thu của người vay là 1.063.014 đồng. Nhưng được khấu trừ đi số tiền hiện nay đang bị tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An là 38.356 đồng nên số tiền còn lại bị truy thu là 1.024.658 đồng;

+ Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho chị Q số tiền thu lợi bất chính đã thu là 25.000.000 đồng - 1.063.014 đồng = 23.936.986 đồng. Nhưng được khấu trừ đi số tiền hiện nay đang bị tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An là 961.644 đồng). Số tiền còn lại phải trả lại cho chị Q là: 23.936.986 đồng - 961.644 đồng = 22.975.342 đồng.

*** Đối với khoản vay của chị Phan Thị Diệu H1:**

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền gốc chị H1 chưa trả cho các bị cáo là 15.000.000 đồng;

- Số tiền lãi thực tế chị H1 đã trả được cho các bị cáo là 6.200.000 đồng.
Trong đó:

+ Truy thu sung công quỹ Nhà nước tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự các bị cáo đã thu của người vay là 317.808 đồng;

+ Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho chị H1 số tiền thu lợi bất chính đã thu là 6.200.000 đồng - 317.808 đồng = 5.882.192 đồng.

*** Đối với khoản vay của chị Đinh Thị L2:**

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền gốc chị L2 chưa trả cho các bị cáo là 45.000.000 đồng;

- Số tiền lãi thực tế chị L2 đã trả được cho các bị cáo là 24.795.000 đồng.
Trong đó:

+ Truy thu sung công quỹ Nhà nước tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự các bị cáo đã thu của người vay là 2.860.274 đồng;

+ Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho chị L2 số tiền thu lợi bất chính đã thu là 24.795.000 đồng - 2.860.274 đồng = 21.934.726 đồng.

[7] Đối với số tiền các bị cáo đã thu lãi quá mức quy định Bộ luật Dân sự với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Buộc các bị cáo liên đới trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính là 71.075.822 đồng. Cụ thể:

- Hai bị cáo có trách nhiệm liên đới trả lại cho chị Đinh Thị L2 số tiền 21.934.726 đồng;

- Hai bị cáo có trách nhiệm liên đới trả lại cho chị Phan Thị Diệu H1 số tiền 5.882.192 đồng;

- Hai bị cáo có trách nhiệm liên đới trả lại cho chị Hoàng Thị Như Q số tiền 22.975.342 đồng;

- Hai bị cáo có trách nhiệm liên đới trả lại cho anh Hoàng Đức T2 số tiền 20.283.562 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ các Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với các điện thoại đã tạm giữ của hai bị cáo gồm: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max màu xanh, là tài sản của bị cáo D; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng và 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO A5S màu đen là tài sản của bị cáo L. Kết quả điều tra xác định được các bị cáo đã sử dụng những điện thoại này dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, phát mại sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 thẻ Ngân hàng BIDV, mã số thẻ: 9704180000009797440 mang tên TRAN VAN D; 01 quyển vở học sinh bìa màu xanh, bên ngoài bìa có chữ

Trường Tiểu học Sông Hiến, dòng họ và tên có chữ “Số nợ”. Bên trong có 27 tờ giấy đánh số thứ tự 01 đến 27, số thứ tự 15 có nội dung giấy mượn tiền, người vay Nguyễn Việt A. Xác định không liên quan đến việc phạm tội và là thẻ ngân hàng của cá nhân nên cần trả lại cho bị cáo D.

- Đối với các giấy tờ tạm giữ của bị cáo L gồm 01 thẻ Ngân hàng BIDV, mã số thẻ: 9704180082016874 mang tên PHAN THI L; 01 thẻ Ngân hàng AGRIBANK, mã số thẻ: 9704050797880510 mang tên DINH THI HONG S; 01 giấy mượn tiền đề ngày 14/7/2023, bên mượn: Mù Thị Ngọc B, có chữ ký và họ tên của Phan Thị L. Xác định không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo L.

- Đối với các giấy tờ gồm: 01 thẻ Căn cước công dân số 004186007901 mang tên Đinh Thị L2; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị Lan H2, biển số đăng ký: 29D1-65067. Xác định không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị L2.

- Đối với số tiền Việt Nam tạm giữ của bị cáo L 1.450.000 đồng được niêm phong trong 01 phong bì. Xác định đây là tài sản của bị cáo L, không có căn cứ chứng minh liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo L, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền 1.000.000 đồng được niêm phong trong 01 phong bì do bị cáo D giao nộp. Xác định là tiền lãi của chị Hoàng Thị Như Q trả lãi trước hạn cho các bị cáo đối với khoản vay ngày 10/10/2023. Trong đó:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 38.356 đồng (Số tiền này được khấu trừ cho các bị cáo khi áp dụng biện pháp tư pháp).

+ Trả lại cho chị Hoàng Thị Như Q số tiền thu lợi bất chính bị cáo thu là 1.000.000 đồng - 38.356 đồng = 961.644 đồng nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phan Thị L, Trần Văn D phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo:

- Áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L.

Xử phạt bị cáo Phan Thị L 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An theo biên lai thu tiền số 0001517 ngày 04/3/2024 và được bị cáo Trần Văn D nộp cho số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An theo biên lai thu tiền số 0001516 ngày 04/3/2024. Tổng số tiền đã nộp là 20.000.000 đồng nên nay bị cáo còn phải nộp phạt 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, s, v khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D.

Xử phạt bị cáo Trần Văn D 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Xác nhận bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An theo biên lai thu tiền số 0001515 ngày 04/3/2024. Nay bị cáo còn phải nộp phạt 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

3. Căn cứ Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước đối với các bị cáo số tiền gốc 106.000.000 đồng và số tiền lãi 5.419.178 đồng. Tổng số tiền phải truy thu đối với

hai bị cáo là 111.419.178 đồng nên mỗi bị cáo bị truy thu số tiền là 55.709.589 đồng.

- Truy thu số tiền vay gốc của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo để sung vào công quỹ Nhà nước cụ thể:

+ Truy thu đối với Anh Hoàng Đức T2 (Sinh năm 1990; Nơi cư trú: Xóm 2, B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng) số tiền 50.000.000 đồng;

+ Truy thu đối với chị Hoàng Thị Như Q; (Sinh năm 1988; Nơi cư trú: Phố H, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng) số tiền 45.000.000 đồng;

+ Truy thu đối với chị Phan Thị Diệu H1 (Sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tổ 6, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) số tiền 15.000.000 đồng;

+ Truy thu đối với chị Đinh Thị L2 (Sinh năm 1986; Nơi cư trú: Xóm 1, V, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) số tiền 45.000.000 đồng.

- Buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính là 71.075.822 đồng. Cụ thể gồm:

+ Trả cho chị Đinh Thị L2 (Sinh năm 1986; Nơi cư trú: Xóm 1, V, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) số tiền 21.934.726 đồng;

+ Trả cho chị Phan Thị Diệu H1 (Sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tổ 6, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) số tiền 5.882.192 đồng;

+ Trả cho chị Hoàng Thị Như Q (Sinh năm 1988; Nơi cư trú: Phố H, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng) số tiền 22.975.342 đồng;

+ Trả cho anh Hoàng Đức T2 (Sinh năm 1990; Nơi cư trú: Xóm 2, B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng) số tiền 20.283.562 đồng.

4. Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 38.356 đồng (Trong số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo D giao nộp), còn lại số tiền 961.644 đồng trả lại cho chị Hoàng Thị Như Q (Sinh năm 1988; Nơi cư trú: Phố H, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng) nhưng cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Phan Thị L số tiền 1.450.000 đồng nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Tịch thu, phát mại sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng, đã qua sử dụng, số IMEI 1:

359139867641865, số IMEI 2: 359139867756267, gắn số thuê bao: 0845.199.898 (điện thoại không lên nguồn không kiểm tra được số IMEI); 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO A5S, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 868683044463853, số IMEI 2: 868683044463846 (điện thoại không lên nguồn không kiểm tra được số IMEI); 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 356303480922044, số IMEI 2: 356303483291405, gắn số thuê bao: 0946.494.686;

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn D: 01 thẻ Ngân hàng BIDV, mã số thẻ 9704180000009797440 mang tên TRAN VAN D; 01 quyển vở học sinh bìa màu xanh, bên ngoài bìa có chữ Trường Tiểu học Sông Hiến, dòng họ và tên có chữ “Sổ nợ”. Bên trong có 27 tờ giấy đánh số thứ tự 01 đến 27, số thứ tự 15 có nội dung giấy mượn tiền, người vay Nguyễn Việt A.

- Trả lại cho bị cáo Phan Thị L: 01 thẻ Ngân hàng BIDV, mã số thẻ 9704180082016874 mang tên PHAN THI L; 01 thẻ Ngân hàng AGRIBANK, mã số thẻ 9704050797880510 mang tên DINH THI HONG S; 01 giấy mượn tiền đề ngày 14/7/2023, bên mượn: Mù Thị Ngọc B.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị L2 (Sinh năm 1986, Nơi cư trú: Xóm 1, V, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) 01 thẻ Căn cước công dân số 0041860007901 mang tên Đinh Thị L2; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 063325 mang tên Nguyễn Thị Lan H2, biển số đăng ký: 29D1-65067.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/01/2024.

5. Về trách nhiệm dân sự: Do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phan Thị L, Trần Văn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Công an huyện Hòa An;
- VKSND huyện Hoà An;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS Hòa An;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- UBKT HU Hoà An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vi Khánh Dân